7. Jain S., Jain A. K., Kumar I. Outcome of open reduction and internal fixation of intraarticular calcaneal fracture fixed with locking calcaneal plate. *Chin J Traumatol*. 2013. 16(6), 355-60.
8. Chen K., Zhang H., Wang G., Cheng Y., Qian Z., et al. Comparison of nonlocking plates and locking plates for intraarticular calcaneal fracture. *Foot Ankle Int*. 2014. 35(12), 1298-302, https://doi.org/10.1177/1071100714547520.
9. Rammelt S., Swords M. P. Calcaneal Fractures-Which Approach for Which Fracture? *Orthop Clin North Am*. 2021. 52(4), 433-450, https://doi.org/10.1016/j.ocl.2021.05.012.
10. Gougoulias N., McBride D., Maffulli N. Outcomes of management of displaced intra-articular calcaneal fractures. *Surgeon*. 2021. 19(5), e222-e229, https://doi.org/10.1016/j.surge.2020.10.003.
11. Lâm Quốc Thanh. Đánh giá kết quả điều trị gãy lún nhiều mảnh xương gót bằng phương pháp kết hợp xương nẹp ốc. Trường Đại Học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch. 2015. 81.
12. Liu G. T., Vanpelt M. D., Lalli T., Raspovic K. M., Wukich D. K. Surgical Management of Displaced Intra-Articular Calcaneal Fractures: What Matters Most? *Clin Podiatr Med Surg*. 2019. 36(2), 173-184, https://doi.org/10.1016/j.cpm.2018.10.002.
13. Zwipp H., Rammelt S., and Barthel S. Calcaneal fractures--open reduction and internal fixation (ORIF). *Injury*. 2004. 35 Suppl 2(2), SB46-54, DOI:10.1016/j.injury.2004.07.011.

# KHẢO SÁT KIẾN THỨC CỦA SINH VIÊN Y KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ VỀ DỊCH COVID-19 TRONG ĐỢT BÙNG PHÁT DỊCH LẦN THỨ 4 NĂM 2021

***Phan Nguyễn Hồng Loan*, Phan Hữu Khang, Lê Thanh Mai, Lê Huỳnh Anh Thư, Trần Thiện Thắng***

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

**Email: 1953010219@student.ctump.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 09/01/2023*

*Ngày phản biện: 17/8/2023*

*Ngày duyệt đăng: 15/9/2023*

## TÓM TẮT

***Đặt vấn đề:*** *Việt Nam đang trải qua đợt bùng phát dịch lần thứ 4, việc sinh viên có kiến thức đúng về COVID-19 là rất cần thiết.* ***Mục tiêu nghiên cứu:*** *Khảo sát kiến thức của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về dịch COVID-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức của sinh viên.* ***Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:*** *Nghiên cứu mô tả cắt ngang 134 sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong tháng 2 năm 2022.* ***Kết quả:*** *Tỉ lệ sinh viên có kiến thức chung về COVID-19 chiếm 79,9%, kiến thức không có mối liên quan với tình trạng hôn nhân và tình trạng cư trú. Có mối liên quan giữa kiến thức khái niệm, tình hình và nguồn thông tin từ phương tiện truyền thông đại chúng, giữa kiến thức phòng ngừa và nguồn thông tin từ Internet.* ***Kết luận:*** *Khảo sát cho thấy sinh viên tham gia có kiến thức tốt chiếm tỉ lệ khá cao về các vấn đề bệnh học, phòng ngừa dịch COVID-19 và các chỉ thị. Đối tượng nghiên cứu có thái độ tích cực tiên phong trong các công tác tuyên truyền và phòng chống dịch.*

***Từ khóa:*** *Kiến thức, COVID-19, sinh viên ngành Y khoa.*

## ABSTRACT

### THE SURVEY OF MEDICAL STUDENTS' KNOWLEDGE AT THE CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY ABOUT COVID-19 IN THE FOURTH COVID-19 PANDEMIC

***Phan Nguyen Hong Loan*, Phan Huu Khang, Le Thanh Mai, Le Huynh Anh Thu, Tran Thien Thang***

*Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

***Background:*** *As the COVID-19 pandemic spreads in Vietnam, it is necessary for students to learn about COVID-19.* ***Objective:*** *The survey of medical students' knowledge at the Can Tho University of Medicine and Pharmacy about COVID-19 in the 4th COVID-19 pandemic and analyzing some factors which affect their knowledge.* ***Materials and methods:*** *A cross-sectional, descriptive study on 134 ctump students from the Can Tho University of Medicine and Pharmacy from the first year to the last year in February, 2022.* ***Results:*** *There are 79.9% of the students who took part in the survey knew generally about COVID-19, knowledge is not related to marital status and people with whom they live. There is a relationship between conceptual knowledge of the situation and information sources from the mass media and between preventive knowledge and information sources from the Internet.* ***Conclusion:*** *The survey showed that the participating students had a high percentage of students with good knowledge about pathology issues, COVID-19 prevention and directives. Subjects of the study had a positive attitude and pioneered in propaganda and epidemic prevention.*

***Keywords:*** *Knowledge, COVID-19, medical students.*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV-2 (COVID-19) là bệnh truyền nhiễm cấp tính thuộc nhóm A, đặc biệt nguy hiểm có khả năng lây truyền nhanh, phát tán rộng và tỉ lệ tử vong cao [1]. Theo thống kê của Bộ Y tế, số lượng ca mắc ghi nhận trong nước ở đợt dịch thứ 4 tính đến ngày 08/02/2022, số ca nhiễm ghi nhận trong nước là 2.373.577 ca, trong đó có 2.123.960 bệnh nhân đã được công bố khỏi bệnh [2]. Trong đó có những ngày Cần Thơ ghi nhận số ca mắc mới nhiều nhất cả nước [3]. So với những đợt dịch trước đó, đợt dịch lần thứ 4 với kiến thức COVID-19 được cập nhật liên tục, đang bùng phát và lan rộng một cách mạnh mẽ khiến nguồn lực nhân viên y tế thiếu hụt trầm trọng. Sinh viên Y khoa cần có kiến thức về COVID-19 để sẵn sàng trở thành lực lượng hỗ trợ chống dịch. Theo nghiên cứu của Bùi Huy Tùng (2021) tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội có 74,90% sinh viên có kiến thức tốt [4]. Theo nghiên cứu của Taghrir (2020) có kiến thức đạt tỉ lệ trung bình 86,96% [5]. Phần lớn các nghiên cứu trước đây được thực hiện tại thời điểm diễn ra các đợt dịch đầu ở Việt Nam có sự khác biệt nhiều so với đợt dịch thứ 4: cục diện chống dịch thay đổi, các ca mắc mới ngày càng tăng cao, tốc độ lây lan nhanh chóng, nguồn lực y tế thiếu hụt, các chỉ thị mới được ban hành liên tục… Nghiên cứu "Khảo sát kiến thức của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về dịch COVID-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 năm 2021" được thực hiện với mục tiêu: Khảo sát kiến thức của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về dịch COVID-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức của sinh viên.

# II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên từ năm nhất đến năm cuối trong tháng 2 năm 2022 đang học tập tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đồng ý tham gia khảo sát.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Không đủ dữ liệu nghiên cứu về sinh viên.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Được tính dựa vào công thức ước lượng một tỉ lệ, chọn tỉ lệ sinh viên có kiến thức về dịch COVID-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 năm 2021. Thực tế chúng tôi lấy cỡ mẫu là 134 trường hợp, được tính theo công thức tính cỡ mẫu cho ước tính một tỉ lệ trong quần thể:

$$n = \frac{(z_{1-\frac{\alpha}{2}})^2 \times p\,(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

Z=1,96 (hệ số tin cậy với mức ý nghĩa α=0,05).

p=0,9403, theo nghiên cứu của Vũ Thị Ánh (2021), "Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành của sinh viên Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội về phòng chống dịch bệnh COVID-19 năm 2020" tỉ lệ sinh viên được đánh giá đạt gồm mức độ hiểu biết tốt và khá là 94,03% [6].

d: Sai số cho phép của nghiên cứu, chọn d=0,05.

- **Thời gian thực hiện:** Tháng 2/2022.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện tất cả sinh viên Y khoa thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu và nằm ngoài tiêu chuẩn loại trừ.

- **Nội dung nghiên cứu:** Trong nghiên cứu này chúng tôi quy ước sinh viên có kiến thức đạt khi trả lời được ≥ 60% số câu đúng và được ≥ 3 phần kiến thức.

+ Trong đó có 20 câu hỏi với các ý: Tình trạng COVID-19 trong cả nước, kĩ thuật xét nghiệm Realtime-PCR, quy tắc 5K, các chỉ thị của chính phủ, các loại vắc xin phòng bệnh.

+ Trong đó có 4 phần kiến thức, sinh viên có kiến thức đạt ở từng phần khi trả lời được ≥ 60% số ý đúng (≥ 3/5 câu).

- **Phương pháp thu thập:** Bộ câu hỏi khảo sát chuyển sang bộ câu hỏi google form trực tuyến được gửi đến các bạn sinh viên thông qua thư điện tử (mail sinh viên của Trường).

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Mã hóa, nhập liệu và xử lý số liệu nghiên cứu bằng phần mềm SPSS 20.0.

# III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

## 3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm | | Số lượng (n=134) | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| Giới tính | Nam | 60 | 44,8 |
| | Nữ | 74 | 55,2 |

| Đặc điểm | | Số lượng (n=134) | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| Tình trạng hôn nhân | Độc thân | 105 | 78,4 |
| | Đã kết hôn | 29 | 21,6 |
| Tình trạng cư trú | Một mình | 62 | 46,3 |
| | Sống cùng gia đình | 35 | 26,1 |
| | Sống cùng bạn bè | 35 | 26,1 |
| | Khác | 2 | 1,5 |
| Tập huấn | Đã được tập huấn | 131 | 97,8 |
| | Chưa được tập huấn | 3 | 2,2 |
| Nguồn thông tin COVID-19 chủ yếu | Từ Internet | 129 | 96,3 |
| | Từ phương tiện truyền thông | 107 | 79,9 |
| | Từ trường cung cấp | 110 | 82,1 |
| | Từ tờ rơi, áp phích | 37 | 27,6 |
| | Khác | 13 | 9,7 |

Nhận xét: Tỉ lệ sinh viên nữ tham gia nhiều hơn sinh viên nam (55,2%). Trong số sinh viên tham gia, tỉ lệ sinh viên độc thân chiếm cao nhất (78,4%) và đa số sinh viên sống một mình (46,3%). Hầu hết sinh viên đều đã được tập huấn tại trường (97,8%). Sinh viên tìm hiểu về COVID-19 bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó từ Internet chiếm tỉ lệ cao nhất (96,3%), kế đến là từ trường và phương tiện truyền thông (82,1% và 79,9%), sinh viên ít tìm hiểu thông tin qua tờ rơi và các nguồn khác (37,3%).

### 3.2. Kiến thức của sinh viên về COVID-19

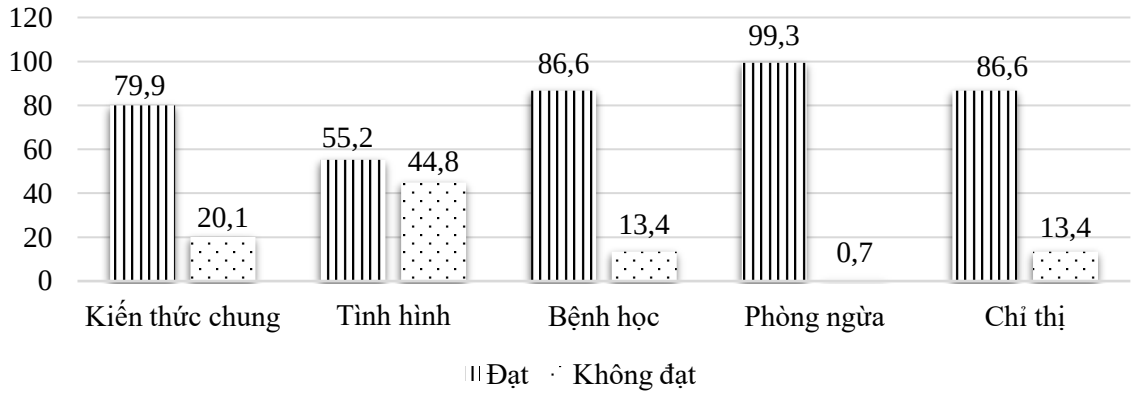


Biểu đồ 1. Kiến thức về COVID-19 ở từng nội dung

Nhận xét: Tỉ lệ sinh viên có kiến thức là 79,9%. Sinh viên có kiến thức tốt về bệnh học, phòng ngừa cũng như về các chỉ thị (trên 80%) nhưng lại có kiến thức về tình hình thấp (chỉ 55,2%).

Bảng 2. Kiến thức đúng của sinh viên về COVID-19

| Kiến thức đúng | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|
| Phân loại mức độ nguy cơ theo vùng, màu sắc tương ứng | 64 | 47,8 |
| Tốc độ lây truyền các biến thể COVID-19 | 32 | 23,9 |
| Các khái niệm về đối tượng trong dịch COVID-19 | 123 | 91,8 |
| Tỉ lệ tử vong giữa các biến thể COVID-19 | 58 | 43,3 |
| Tình hình các biến thể COVID-19 ở nước ta | 95 | 70,9 |

| Kiến thức đúng | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|
| Triệu chứng của người nhiễm COVID-19 | 111 | 82,8 |
| Test nhanh COVID-19 | 99 | 73,9 |
| Xét nghiệm COVID-19 | 126 | 94,0 |
| Triệu chứng lâm sàng của COVID-19 | 51 | 38,1 |
| COVID-19 không triệu chứng | 80 | 59,7 |
| Số tuổi được tiêm vắc xin | 71 | 53,0 |
| Vắc xin dùng cho trẻ em | 123 | 91,8 |
| Hiệu lực kháng khuẩn của dung dịch cồn | 121 | 90,3 |
| Khẩu trang N95 | 133 | 99,3 |
| Thông điệp 5K | 130 | 97,0 |
| Biện pháp áp dụng ở cấp độ 1 Nghị quyết 128 | 120 | 89,6 |
| Biện pháp áp dụng ở cấp độ 2 Nghị quyết 128 | 98 | 73,1 |
| Biện pháp áp dụng ở cấp độ 4 Nghị quyết 128 | 106 | 79,1 |
| Đối tượng hoạt động theo cấp độ dịch | 65 | 48,5 |
| Hoạt động theo cấp độ dịch | 113 | 84,3 |

Nhận xét: Có 13/20 nội dung có tỉ lệ sinh viên trả lời đúng trên 60%.

### 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức về phòng chống COVID-19

Bảng 3. Sự ảnh hưởng của giới tính, tình trạng hôn nhân, tình trạng cư trú

| Yếu tố | Kiến thức | | | | p |
|---|---|---|---|---|---|
| | Không đạt | | Đạt | | |
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | |
| Giới tính | | | | | |
| Nam | 13 | 21,7 | 47 | 78,3 | 0,693 |
| Nữ | 14 | 18,9 | 60 | 81,1 | |
| Tình trạng hôn nhân | | | | | |
| Độc thân | 20 | 19,0 | 85 | 81,0 | 0,545 |
| Đã kết hôn | 7 | 24,1 | 22 | 75,9 | |
| Tình trạng cư trú | | | | | |
| Một mình | 16 | 25,0 | 48 | 75,0 | 0,020 |
| Khác | 11 | 15,7 | 59 | 84,3 | |

Nhận xét: Giới tính không ảnh hưởng, tình trạng hôn nhân và tình trạng cư trú không ảnh hướng đến kiến thức của sinh viên.

Bảng 4. Sự ảnh hưởng của Truyền thông đến từng kiến thức

| Kiến thức | Truyền thông | | | | p |
|---|---|---|---|---|---|
| | Không tiếp cận | | Có tiếp cận | | |
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | |
| Khái niệm, tình hình | | | | | |
| Không đạt | 17 | 63,0 | 43 | 40,2 | 0,033 |
| Đạt | 10 | 37,0 | 64 | 59,8 | |
| Bệnh học | | | | | |
| Không đạt | 5 | 18,5 | 13 | 12,1 | 0,361 |
| Đạt | 22 | 81,5 | 94 | 87,9 | |
| Phòng ngừa | | | | | |
| Không đạt | 1 | 3,7 | 0 | 0,0 | 0,046 |
| Đạt | 26 | 96,3 | 107 | 100,0 | |

| Kiến thức | Truyền thông | | | | p |
|---|---|---|---|---|---|
| | Không tiếp cận | | Có tiếp cận | | |
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | |
| Chỉ thị | | | | | |
| Không đạt | 4 | 14,8 | 14 | 13,1 | 0,760 |
| Đạt | 23 | 85,2 | 93 | 86,9 | |

Nhận xét: Có mối liên quan giữa kiến thức về khái niệm, tình hình và kiến thức phòng ngừa với nguồn tiếp cận thông tin từ phương tiện truyền thông đại chúng.

Bảng 5. Sự ảnh hưởng của Internet đến từng kiến thức

| Kiến thức | Internet | | | | p |
|---|---|---|---|---|---|
| | Không tiếp cận | | Có tiếp cận | | |
| | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | |
| Khái niệm, tình hình | | | | | |
| Không đạt | 3 | 60,0 | 57 | 44,2 | 0,656 |
| Đạt | 2 | 40,0 | 72 | 55,8 | |
| Bệnh học | | | | | |
| Không đạt | 2 | 40,0 | 16 | 12,4 | 0,134 |
| Đạt | 3 | 60,0 | 113 | 87,6 | |
| Phòng ngừa | | | | | |
| Không đạt | 1 | 20,0 | 0 | 0,0 | 0,037 |
| Đạt | 4 | 80,0 | 129 | 100,0 | |
| Chỉ thị | | | | | |
| Không đạt | 2 | 40,0 | 16 | 12,4 | 0,134 |
| Đạt | 3 | 60,0 | 113 | 87,6 | |

Nhận xét: Có mối khác biệt kiến thức phòng ngừa giữa sinh viên tiếp cận nguồn thông tin từ Internet và không tiếp cận, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (p=0,037).

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm chung của đối tượng

Về đặc điểm đối tượng nghiên cứu: Trong 134 sinh viên tham gia nghiên cứu, ghi nhận tỉ lệ sinh viên nữ là 74 (55,2%), nhiều hơn sinh viên nam chỉ có 60 sinh viên (44,8%), kết quả này tương đồng với nghiên cứu Trần Thị Hằng (2020), sinh viên nữ và sinh viên nam lần lượt là 50,2% và 49,8% [6]. Độ tuổi trong nghiên cứu ghi nhận là 19-39 tuổi, tuổi trung bình là 25,49. Những người tham gia nghiên cứu ở tình trạng độc thân chiếm tỉ lệ 78,4%, kết quả này tương tự với nghiên cứu của Lebanon là 66,6% [7]. Người sống một mình tham gia nghiên cứu nhiều hơn chiếm 46,3% do họ đa số là người trẻ, chủ động trong việc tìm kiếm thông tin về COVID-19 để chủ động bảo vệ sức khoẻ bản thân. Nhóm người sống cùng bạn bè và gia đình có tỉ lệ khảo sát như nhau (26,1%) do nhóm này bị ảnh hưởng từ mọi người xung quanh, đã biết được một số biện pháp phòng chống, được sự quan tâm từ gia đình và bạn bè. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên tiếp cận thông tin từ Internet (96,3%), cao hơn so với nghiên cứu của Đào Thị Ngọc Huyền và các cộng sự là 88,3% [8]. Do nghiên cứu được thực hiện trong lúc nước ta đang trong giai đoạn bùng dịch đợt 4, nguồn thông tin trên Internet trở nên phổ biến và được cập nhật liên tục. Bên cạnh đó, đối với sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, sinh viên được cung cấp kiến thức từ trường học

(82,1%), tỉ lệ này giải thích cho việc sinh viên được tập huấn chiếm tỉ lệ cao đến 97,8%. Qua đó có thể thấy rằng việc tập huấn của nhà trường nhằm nâng cao nhận thức và cái nhìn về COVID-19 cho sinh viên Y khoa vô cùng thiết thực trong lúc đợt dịch 4 đang bùng phát mạnh mẽ. Trong tình hình xã hội vẫn còn đang mới được nới lỏng bởi các chỉ thị, việc sinh viên tiếp cận thông tin từ tờ rơi, áp phích là điều rất khó bởi thế tỉ lệ chiếm thấp (27,6%) là điều hiển nhiên. Sau tập huấn có 67,2% sinh viên tham gia ít nhất một hoạt động chống dịch.

### 4.2. Tỉ lệ sinh viên có kiến thức về COVID-19

Trong nghiên cứu này, quy ước sinh viên có kiến thức đạt khi trả lời được ≥ 60% số câu đúng và được ≥ 3 phần kiến thức, sinh viên có kiến thức đạt ở từng phần khi trả lời được ≥ 60% số ý đúng (≥ 3/5 câu). Có 134 sinh viên tham gia khảo sát kiến thức về COVID-19, trong đó sinh viên có kiến thức chung về COVID-19 đạt 79,9%. Kết quả này chiếm tỉ lệ gần bằng so với nghiên cứu "Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống dịch COVID-19 và một số yếu tố liên quan của sinh viên khoa Y, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, năm 2020" (đạt 77,5%) [6].

Có 20 câu hỏi kiến thức về COVID-19 trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 năm 2021 bao gồm: 5 câu hỏi về khái niệm và tình hình dịch COVID-19, 5 câu hỏi về bệnh học, 5 câu hỏi về phòng ngừa, 5 câu hỏi về chỉ thị. Kết quả ghi nhận thông qua khảo sát của sinh viên về các nhóm câu hỏi khác nhau. Nhóm câu hỏi về khái niệm và tình hình dịch COVID-19 (55,2%) do tình hình COVID-19 chuyển biến mới từng ngày từng giờ, một số khái niệm đã thay đổi và sinh viên chưa cập nhật kịp thời; về bệnh học chiếm (86,6%), là kiến thức sinh viên dễ tiếp cận do có trong chương trình đào tạo cũng như phương tiện truyền thông ngày nay trở nên rất phổ biến, sinh viên có thể theo dõi cũng như tìm hiểu rất nhiều thông tin; về phòng ngừa đạt tỉ lệ cao nhất (99,3%) đây là kiến thức sinh viên dễ tiếp cận do có trong chương trình đào tạo, về chỉ thị cho thấy hiểu biết cơ sở chung về COVID-19 (86,6%).

Trong nghiên cứu chúng tôi ghi nhận, tỉ lệ sinh viên trả lời đúng kiến thức về đeo khẩu trang và thông điệp 5K lần lượt là 99,3% và 97%. Điều này cũng thể hiện kết quả tương đồng là 89,89% về thông điệp 5K thông qua nghiên cứu của Vũ Thị Ánh và các cộng sự [9]. Tuy nhiên vẫn còn sinh viên trả lời sai. Thông điệp 5K là thông điệp mà Bộ Y tế gửi đến toàn dân nói chung và sinh viên Y khoa nói riêng để phòng chống dịch bệnh nên sinh viên phải nắm chắc phần kiến thức cơ bản này. Tuy nhiên, có 32 sinh viên trả lời đúng kiến thức về "Tốc độ lây truyền của biến thể Omicron so với biến thể Delta" đạt tỉ lệ thấp 23,9%, điều này có thể nói rằng tình hình dịch lúc đó diễn tiến khó lường, các biến thể xuất hiện và lan truyền nhanh chóng khiến cho việc cập nhật kiến thức của sinh viên gặp khó khăn.

### 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức

Nghiên cứu về người dân ở Lebanon của Samer Sakr năm 2020 [7] cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức COVID-19 của sinh viên Y khoa với tình trạng hôn nhân. Ngược lại, nghiên cứu của chúng tôi vẫn chưa ghi nhận điều đó. Điều này cũng dễ hiểu vì thông tin về kiến thức COVID-19 hết sức cần thiết đối với mỗi đối tượng, đặc biệt là đối tượng sinh viên Y khoa. Việc hiểu rõ về chúng sẽ góp phần nâng cao sự phòng ngừa và hạn chế tiếp xúc bệnh đối với bản thân nói riêng cũng như gia đình người thân nói chung. Trong bối cảnh dịch bệnh đang diễn ra hết sức phức tạp nên việc tự giác nâng cao kiến thức của bản thân hết sức quan trọng. Giải thích cho việc giữa đối tượng chưa kết hôn hay đã kết hôn không liên quan đến sự hiểu biết về dịch bệnh.

Phân tích về đối tượng cùng sinh sống, ghi nhận không có mối liên quan đến kiến thức. Điều này được hiểu tương tự như nhóm đối tượng sinh viên đã kết hôn và có con, họ đều có chung mối lo ngại về dịch bệnh đồng thời nguồn thông tin tiếp thu từ các phương tiện thông tin đại chúng, từ Internet là như nhau. Nên tự cá nhân hóa mỗi người đều tự trang bị kiến thức về COVID-19 mà không cần chịu sự tác động từ ai khác.

Khi phân tích kết quả nghiên cứu, chúng tôi ghi nhận có sự liên quan giữa phương tiện tiếp cận thông tin qua Internet với kiến thức về phòng ngừa COVID-19. Internet có thể được xem như là nơi cung cấp thông tin nhanh nhất, khi mà tình hình dịch đang chuyển biến vô cùng phức tạp và có chiều hướng xấu đi, nhà nước cũng như các cơ quan tích cực ban hành và tuyên truyền các phương pháp phòng chống dịch hiệu quả nhất nhằm chặn đứng xu hướng tăng vọt số ca nhiễm COVID-19. Bên cạnh đó, Internet có thể lan rộng thông tin một cách nhanh chóng đến người dân, giúp sinh viên Y khoa nói riêng có thể nắm bắt và tiếp cận kiến thức kịp thời và hiệu quả. Nên có thể giải thích vì sao nguồn Internet đem lại hiệu quả cao về kiến phòng ngừa dịch đến như vậy.

Có mối liên quan giữa kiến thức về khái niệm, tình hình và kiến thức phòng ngừa với nguồn thông tin từ phương tiện truyền thông đại chúng. Trong lúc đại dịch đang bùng phát kèm theo đó là tình trạng giãn cách xã hội. Việc nhà nước và các cơ quan ban hành muốn truyền tải thông tin tới người dân qua áp phích tờ rơi là không thể, việc thông tin được truyền tải qua tivi, loa phát thanh lại có khả thi và mang lại tính hiệu quả. Trong tiềm thức mọi người, nguồn thông tin từ tivi, từ loa phát thanh được kiểm chứng và chính thống hơn so với các nguồn thông tin khác.

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh đợt dịch COVID-19 lần thứ 4, sinh viên Y khoa cần phải có kiến thức về COVID-19 và góp phần sức trẻ hỗ trợ giảm gánh nặng về y tế. Trong tổng số sinh viên tham gia, chúng tôi ghi nhận 79,9% sinh viên có kiến thức về COVID-19. Sinh viên có kiến thức tốt về bệnh học, phòng ngừa cũng như về các chỉ thị (trên 80%) nhưng lại có kiến thức về tình hình khá thấp (chỉ 55,2%). Qua đó, dữ liệu ghi nhận cho thấy mức độ kiến thức của sinh viên không có mối liên quan đến tình trạng hôn nhân và tình trạng cư trú của sinh viên, có mối liên quan giữa kiến thức về phòng ngừa và nguồn cung cấp tin tức từ Internet. Bên cạnh đó chưa ghi nhận mối liên quan với giới tính, năm học và các yếu tố khác. Từ đó, ta có thể kết luận rằng kiến thức về COVID-19 của sinh viên Y khoa phụ thuộc nhiều vào tinh thần chủ động được tác động bởi người thân và mọi người xung quanh bên cạnh việc được giáo dục và truyền thông từ nhà nước, trường học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y Tế. Sổ tay hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 tại cộng đồng trong trạng thái bình thường mới.
2. Bộ Y tế. Ngày 8/2: Số ca COVID-19 tăng vọt, cả nước có 21.909 F0.
3. Bộ Y tế Cổng thông tin điện tử. Ngày 6/12: Có 14591 ca COVID-19, TP Cần Thơ có số ca mắc nhiều nhất cả nước; Hà Nội tăng 187 ca.
4. Trần Thị Hằng. Kiến thức, thái độ thực hành về phòng, chống dịch COVID-19 và một số yếu tố liên quan của sinh viên khoa Y, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Luận văn thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Thăng Long. 2020. 41-48.
5. Sakr S., Ghaddar A., Sheet I., Ali H. Eid, Hamam B. Knowledge, attitude and practices related to COVID-19 among young Lebanese population. *BMC Public Health*. 2021. 21, 7.

6. Taghrir M. H., Borazjani R., Shiraly R. COVID-19 and Iranian Medical Students; A Survey on Their Related-Knowledge, Preventive Behaviors and Risk Perception. *Arch Iran Med*. 2020. 249-254. DOI: 10.34172/aim.2020.06.
7. Đào Thị Ngọc Huyền. Kiến thức, thái độ về COVID-19 của sinh viên Y khoa năm thứ năm và năm thứ sáu tại Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu Y học. 2021. 187.
8. Vũ Thị Ánh. Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành của sinh viên Trường Đại học Y Dược–ĐHQGHN về phòng chống dịch bệnh COVID-19 năm 2020. 2021. 30-49.
9. Bùi Huy Tùng. Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2020. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2021. 17, https://doi.org/10.52163/yhc.v62i3%20(2021).36.

# ĐẶC ĐIỂM DỊCH TỄ HỌC VÀ SỰ LƯU HÀNH CỦA CÁC TYPE HUYẾT THANH VI RÚT DENGUE GÂY BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT TẠI TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2020

***Nguyễn Thị Trà My[1, 2*], Ngô Văn Phương[2], Lê Văn Tuấn[3]***
*1. Bệnh xá Công an tỉnh Đắk Nông*
*2. Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột*
*3. Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên*
**Email: tramy04111996@gmail.com*
*Ngày nhận bài: 01/02/2023*
*Ngày phản biện: 05/7/2023*
*Ngày duyệt đăng: 15/9/2023*

## TÓM TẮT

***Đặt vấn đề:*** *Sốt xuất huyết dengue là bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi rút dengue (DENV) gây ra qua trung gian là muỗi Aedes. Các ca bệnh sốt xuất huyết đang gia tăng nhanh chóng ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở các vùng đô thị nghèo, ngoại ô và nông thôn.* ***Mục tiêu nghiên cứu:*** *Xác định một số đặc điểm dịch tễ học và xác định tỷ lệ các type huyết thanh vi rút gây bệnh sốt xuất huyết dengue tại tỉnh Đắk Lắk, năm 2020.* ***Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:*** *Nghiên cứu mô tả loạt ca hồi cứu với cỡ mẫu là 118 trường hợp được chẩn đoán mắc sốt xuất huyết dengue và có xét nghiệm RT-PCR tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên.* ***Kết quả:*** *Tại tỉnh Đắk Lắk, số ca nhiễm sốt xuất huyết dengue được ghi nhận nhiều ở huyện Buôn Đôn, huyện CưM'gar, huyện Krông Pắk. Các ca nhiễm bắt đầu được ghi nhận và tăng cao vào các tháng mùa mưa, từ tháng 7 đến tháng 11 và đạt đỉnh vào tháng 10 trong năm. Bệnh gặp ở hầu hết mọi lứa tuổi nhưng lứa tuổi mắc nhiều nhất là nhóm ≥ 15 tuổi và tỷ lệ mắc giữa nam và nữ tương đương nhau. Có 3 trong 4 type sốt xuất huyết dengue được ghi nhận, trong đó type DENV-2 chiếm tỷ lệ cao nhất (58,5%), tiếp đến là type DENV-1 (39,8%) và thấp nhất là type DENV-4 (1,7%). Sự biến thiên của type DENV-1 và DENV-2 khá tương đồng theo các tháng trong năm, còn type DENV-4 chỉ xuất hiện vào tháng 7.* ***Kết luận:*** *Cần có các biện pháp phòng chống bệnh sốt xuất huyết dengue hiệu quả, đặc biệt ở các huyện có số ca mắc cao và vào các tháng mùa mưa.*

***Từ khóa:*** *Bệnh sốt xuất huyết Dengue, DENV, Đắk Lắk.*